

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vũ

Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 310/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Lưu Trúc E, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Số nhà 303/2 ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn về phần tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Minh K, sinh năm 1981 nơi cư trú: 251 ấp TH, xã TTA, huyện MC, tỉnh Bến Tre.

Anh Nguyễn Minh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

*** Bị đơn:** Chị Phan Thị Đ, sinh năm 1980 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 303/2 ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Lưu Thị Yến M, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Số nhà 303/2 ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Lưu Thị Yến M: Chị Phan Thị Đ, sinh năm 1980 nơi cư trú số nhà 303/2 ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Chị Phan Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: số 215/3, đường Trần Thị Tiết, Khu phố

3, thị trấn Thanh Phú, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre – do ông Trần Văn Bé H, chức vụ: Giám đốc làm đại diện theo pháp luật (gọi tắt là Ngân hàng)

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ông Nguyễn Trung T(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 124/2 ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

4. Chị Phan Thị T, sinh năm 1972 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 105/1 ấp TLc, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

5. Chị Phan Thị N, sinh năm 1977 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 332/1 ấp TL, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

6. Anh Lưu Trúc S, sinh năm 1976 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 235/2 ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Lưu Trúc E có trình bày:*

Anh và chị Phan Thị Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phong vào ngày 30/9/2002. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn được.

- Về hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị Đ

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết

- Về con chung: Lưu Thị Yến M, sinh ngày 17/01/1999 đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung:

+ Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện Thanh Phú số tiền 338.743.714 đồng (trong đó nợ gốc 324.000.000 đồng, nợ lãi 14.743.714 đồng) và chịu lãi phát sinh từ ngày 24/3/2022 theo hợp đồng tín dụng số TPH20180419/HĐTD (7105LAV201805911) ngày 20/9/2018.

+ Nợ chị Nguyễn Thị T1 số tiền 15.000.000 đồng

+ Nợ chị Phan Thị T 36 chỉ vàng 24K loại 9999;

+ Đối với 10.000.000 đồng của bà chị Phan Thị N anh đã đưa tiền cho Phan Thị Đ trả cho chị N xong, nếu Phan Thị Đ chưa trả thì chị Đ phải trả lại cho chị N, anh không có trách nhiệm trả.

** Tại các bản khai và quá trình tố tụng bị đơn chị Phan Thị Đ có trình bày:*

Chị và anh Lưu Trúc E tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phong vào ngày 30/9/2022. Trong thời gian sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được.

- Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Lưu Trúc E.

- Về con chung: Lưu Thị Yến M, sinh ngày 17/01/1999 đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung chị phản tố yêu cầu:

+ Yêu cầu anh Lưu Trúc E chia cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 75.726.500 đồng, anh Lưu Trúc E quản lý, sử dụng nhà được xây dựng trên thửa 54, tờ bản đồ số 27, do anh Lưu Trúc E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

+ Yêu cầu anh Lưu Trúc E chia đôi phần đất có diện tích 440 m² thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 27 do anh Lưu Trúc E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, qua đo đạc thực tế diện tích 220 m² (thửa 54 diện tích 210,2 m² + thửa 54a diện tích 9,8 m²) thuộc một phần thửa 54, tờ bản đồ số 27 giáp với đường dal và giáp với thửa đất 43, 63, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

+ Yêu cầu anh Lưu Trúc E chia tài $\frac{1}{2}$ giá trị của phần đất có diện tích 931,6 m² thuộc thửa 106, tờ bản đồ số 27 anh Lưu Trúc E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp Thạnh Phước, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (tương đương 465,8 m²) theo giá của Hội đồng định giá.

+ Yêu cầu được nhận toàn bộ phần đất có diện tích 6.577,9 m² thuộc thửa 43, tờ bản đồ số 27, do anh Lưu Trúc E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đo đạc thực tế thửa 43 diện tích 6495,4 m² + thửa 43a diện tích 82,4 m²), tọa lạc tại ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị sẽ trả lại cho anh Lưu Trúc E giá trị $\frac{1}{2}$ thửa đất, theo giá của Hội đồng định giá.

+ Yêu cầu anh Lưu Trúc E chia tài $\frac{1}{2}$ giá trị của phần đất có diện tích 977 m² thuộc một phần thửa 105, tờ bản đồ số 27 do anh Lưu Trúc S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (qua đo đạc thực tế thửa 105a diện tích 965,7 m²), tọa lạc tại ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Phần đất này anh Lưu Trúc E và chị nhận chuyển nhượng và đã quản lý, sử dụng đất nhưng chưa được sang tên, chị đồng ý giao đất cho anh Trúc E chị nhận $\frac{1}{2}$ giá trị theo giá của Hội đồng định giá.

+ Yêu cầu anh Lưu Trúc E chia tài $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10 mang biển số 71A- 056.29 do anh Lưu Trúc E đứng tên chủ sở hữu, theo giá của Hội đồng định giá.

Tại phiên hòa giải ngày 19/9/2023 chị Phan Thị Đ rút toàn bộ yêu cầu phản tố về tài sản chung, để chị và anh Lưu Trúc E tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Chị và anh Lưu Trúc E có nợ chung gồm:

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Chi nhánh Thạnh số tiền 338.743.714 đồng (trong đó nợ gốc 324.000.000 đồng, nợ lãi 14.743.714 đồng) và phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 24/3/2022 theo hợp đồng tín dụng số TPH20180419/HĐTD (7105LAV201805911) ngày 20/9/2018.

- + Nợ chị Nguyễn Thị T1 số tiền 15.000.000 đồng
- + Nợ chị Phan Thị T 36 chỉ vàng 24K loại 9999;
- + Nợ chị Phan Thị N 10.000.000 đồng.

Chị yêu cầu anh Lưu Trúc E phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị trả nợ cho Ngân hàng, chị Nguyễn Thị T1, chị Phan Thị T và chị Phan Thị N.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thạnh Phú – do ông Trần Văn Bé H làm đại diện – Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng ông Nguyễn Trung T quá trình tố tụng có trình bày:*

Vào ngày 20 tháng 09 năm 2018 anh Lưu Trúc E, thường trú số 303/2 ấp Thạnh Phước xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có ký kết Hợp đồng vay nợ với Agribank Chi nhánh huyện Thạnh Phú Bến Tre số vốn vay là 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng), theo hợp đồng tín dụng số: TPH20180419/HĐTD (7105LAV201805911) ngày 20 tháng 09 năm 2018.

Vay theo phương thức: Từng lần. Biện pháp bảo đảm cho tiền vay. Cho vay có bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: TPH20180419/HĐTC ngày 20/09/2018 là Quyền sử dụng đất diện tích 6.557,9 m², thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27, mục đích sử dụng đất: Đất nuôi trồng thủy sản, giấy chứng nhận QSD đất số BĐ572213, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CHO2089 do Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú cấp ngày 14/11/ 2011 và Quyền sử dụng đất: diện tích 931,6 m², thửa đất số 106, tờ bản đồ số 27, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hàng năm khác, giấy chứng nhận QSD đất số BP822057, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CHO2649 do Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú cấp ngày 05/11/2013 và các tài sản gắn liền với các thửa đất nêu trên.

- Thời hạn cho vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Mua bò giống nuôi sinh sản, đào ao nuôi tôm. Hạn trả cuối cùng: ngày 20 tháng 09 năm 2022

- Lãi suất cho vay: 10%/năm, lãi suất qua hạn: 15%/năm.

Căn cứ thông báo số 197/TB-TLVA ngày 04/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Agribank theo quy định của pháp luật. Agribank Chi nhánh huyện Thạnh Phú Bến Tre yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú buộc ông Lưu Trúc E phải có nghĩa vụ liên đới với bà Phan Thị Đ trả cho Agribank Chi nhánh huyện Thạnh Phú Bến Tre số tiền vốn và lãi đến ngày 24/03/2022 là 338.743.714 đồng (Ba trăm ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm mười bốn đồng) trong đó: nợ gốc 324.000.000 đồng, nợ lãi là 14.743 714 đồng và lãi phát sinh từ ngày 20/03/2022 theo hợp đồng tín dụng số TPH20180419/HĐTD (710SLAV201805911) ngày 20 tháng 09 năm 2018 cho đến khi nào Tòa án giải quyết xong vụ án.

Trường hợp ông Lưu Trúc E và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Agribank Chi

nhánh huyện Thạnh Phú Bến Tre có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 6.557,9 m², thửa đất số 43, tờ bản đồ số 27, mục đích sử dụng đất: Đất nuôi trồng thủy sản, giấy chứng nhận QSD đất số BĐ572213, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02089 do Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú cấp ngày 14/11/2011 và Quyền sử dụng đất diện tích 931,6 m², thửa đất số 106, tờ bản đồ số 27, mục đích sử dụng đất Đất trồng cây hàng năm khác, giấy chứng nhận QSD đất số BP822057, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02649 do Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú cấp ngày 05/11/2013, đứng tên ông Lưu Trúc E theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TPH20180419/HĐTC ngày 20/09/2018 được ký kết giữa ông Lưu Trúc E (và thành viên đồng sở hữu tài sản là bà Phan Thị Đ) với Agribank Chi nhánh huyện Thạnh Phú Bến Tre và các tài sản gắn liền với các thửa đất nêu trên để thu hồi nợ cho Agribank Chi nhánh huyện Thạnh Phú Bến Tre.

Sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Lưu Trúc E và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Tại phiên hòa giải ngày 19/9/2023 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thạnh Phú rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị N có trình bày:*

Vào năm 2018 bà có cho vợ chồng của chị Phan Thị Đ và anh Lưu Trúc E vay số tiền 20.000.000 đồng để phát triển kinh tế gia đình và lo cho con ăn học. Đến năm 2020 chị Phan Thị Đ có trả cho bà 10.000.000 đồng, khi cho vay tiền và trả tiền do là chị em trong gia đình, nên không có lập hợp đồng chỉ nói bằng miệng với nhau.

Nay chị Phan Thị Đ và anh Lưu Trúc E ly hôn, bà yêu cầu chị Phan Thị Đ và Lưu Trúc E phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 10.000.000 đồng Mười triệu đồng) không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên hòa giải ngày 19/9/2023 bà xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T có trình bày:*

Vào năm 2017 bà có cho vợ chồng của chị Phan Thị Đ và anh Lưu Trúc E mượn 36 chỉ vàng 24K loại 9999 để phát triển kinh tế gia đình và lo việc học tập của con anh chị là Lưu Thị Yến M. Khi cho mượn vàng do là chị em trong gia đình nên không có lập hợp đồng chỉ nói bằng miệng với nhau.

Nay chị Phan Thị Đ và anh Lưu Trúc E ly hôn, bà yêu cầu chị Phan Thị Đ và anh Lưu Trúc E phải có nghĩa vụ liên đới trả 36 chỉ vàng 24K loại 9999.

Tại phiên hòa giải ngày 19/9/2023 bà xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 có trình bày:*

Vào năm 2018 bà có cho vợ chồng của chị Phan Thị Đ và Lưu Trúc E vay số tiền 15.000.000 đồng để phát triển kinh tế gia đình. Khi cho vay tiền do là chị em trong gia đình nên không có lập hợp đồng chỉ nói bằng miệng với nhau.

Nay chị Phan Thị Đ và Lưu Trúc E ly hôn, bà yêu cầu chị Phan Thị Đ và Lưu Trúc E phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên hòa giải ngày 19/9/2023 bà xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lưu Trúc S có trình bày:*

Vào năm 2020 ông có chuyển nhượng cho anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ một phần đất có diện tích 977 m² thuộc một phần thửa 105, tờ bản đồ số 27, tọa lạc ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông chuyển nhượng cho anh Trúc E và chị Đ. Nay anh Trúc E và chị Đ tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung do đất ông đã chuyển nhượng xong nhưng chưa làm thủ tục sang tên, nhưng đất anh Trúc E và chị Đ đã quản lý, sử dụng ông không có tranh chấp. Nếu sau này Tòa án giải quyết giao phần đất này cho ai thì ông sẽ làm thủ tục tách thửa sang tên cho người đó, không có ý kiến gì khác, ông và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá huyện Thạnh Phú ngày 13/6/2023 các đương sự thống nhất:

- Về nhà:

+ Nhà chính: 143.216.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu hai trăm mười sáu ngàn đồng).

+ Mái che: 8.237.000 đồng (Tám triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn).

- Về đất:

+ Đất nuôi trồng thủy sản có giá: 80.000 đồng/m²

+ Đất ở nông thôn có giá 1.554.000 đồng/m²

+ Đất trồng cây lâu năm có giá 1.400.000 đồng/m²

+ Xe Huyndai i10 biển số 71A-056.29 anh Trúc E và chị Đ đã thống nhất có giá 252.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 217, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Trúc E:

Về hôn nhân: Anh Lưu Trúc E được ly hôn với chị Phan Thị Đ, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét.

Về con chung: cháu Lưu Thị Yên M, sinh ngày 17/01/1999 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đình chỉ đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu về tài sản, nợ chung; bị đơn rút yêu cầu phản tố; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu độc lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Lưu Trúc E vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung kh lý hôn” bị đơn chị Phan Thị Đ có nơi cư trú tại ấp Thanh Phước, xã Thanh Phong, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Lưu Trúc E, bị đơn chị Phan Thị Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T1, chị Phan Thị T, chị Phan Thị N, anh Lưu Trúc S và đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thanh Phú ông Nguyễn Trung T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ có tìm hiểu nhau mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phong, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre vào ngày 30/9/2002. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa anh Trúc E và chị Phan Thị Đ xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Lưu Trúc E yêu cầu xin ly hôn với chị Phan Thị Đ là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Anh anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Lưu Thị Yên M, sinh ngày 17/01/1999 hiện đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự lao động để nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét chị Phan Thị Đ phản tố yêu cầu anh Lưu Trúc E chia tài sản chung $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà; Phần đất có diện tích 220 m^2 (thửa 54 diện tích $210,2 \text{ m}^2$ + thửa 54a diện tích $9,8 \text{ m}^2$) thuộc một phần thửa 54, tờ bản đồ số 27 giáp với đường dal và giáp với thửa đất 43, 63, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Thạnh Phước, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; Yêu cầu chia tài $\frac{1}{2}$ giá trị của phần đất có diện tích $931,6 \text{ m}^2$ thuộc thửa 106, tờ bản đồ số 27 anh Lưu Trúc E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp Thạnh Phước, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (tương đương $465,8 \text{ m}^2$) theo giá của Hội đồng định giá; Yêu cầu được nhận toàn bộ phần đất có diện tích $6.577,9 \text{ m}^2$ thuộc thửa 43, tờ bản đồ số 27 (đo đạc thực tế thửa 43 diện tích $6495,4 \text{ m}^2$ + thửa 43a diện tích $82,4 \text{ m}^2$), tọa lạc tại ấp Thạnh Phước, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre chị Đ trả lại cho anh Lưu Trúc E giá trị $\frac{1}{2}$ thửa đất, theo giá của Hội đồng định giá; Yêu cầu anh Lưu Trúc E chia tài $\frac{1}{2}$ giá trị của phần đất có diện tích 977 m^2 thuộc một phần thửa 105, tờ bản đồ số 27 do anh Lưu Trúc S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (qua đo đạc thực tế thửa 105a diện tích $965,7 \text{ m}^2$), tọa lạc tại ấp Thạnh Phước, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre chị Đ đồng ý giao đất cho anh Trúc E chị nhận $\frac{1}{2}$ giá trị theo giá của Hội đồng định giá; Yêu cầu anh Lưu Trúc E chia tài $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10 mang biển số 71A- 056.29 do anh Lưu Trúc E đứng tên chủ sở hữu theo giá của Hội đồng định giá. Quá trình tố tụng chị Phan Thị Đ có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Xét việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố của chị Phan Thị Đ là hoàn toàn tự nguyện theo đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[6] Xét thấy, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn và lãi đến ngày 24/03/2022 là 338.743.714 đồng (Ba trăm ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm mười bốn đồng) và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 20/03/2022 theo hợp đồng tín dụng số TPH20180419/HĐTD (710SLAV201805911) ngày 20 tháng 09 năm 2018 cho đến khi nào Tòa án giải quyết xong vụ án; Chị Nguyễn Thị T1 có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; Chị Phan Thị T có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả 36 chỉ vàng 24K loại 9999. Chị Phan Thị N có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả 10.000.000 đồng. Quá trình tố tụng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh

huyện Thanh Phú, chị Nguyễn Thị T1, chị Phan Thị T và chị Phan Thị N có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Xét việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập là hoàn toàn tự nguyện theo đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Lưu Trúc E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về chi phí tố tụng: Gồm chi phí đo đạc 8.452.000 đồng, chi phí định giá 1.400.000 đồng và phí quy trình cấp quyền sử dụng đất 665.000 đồng. Tổng cộng 10.517.000 đồng (Mười triệu năm trăm mười bảy ngàn đồng) chị Phan Thị Đ tự nguyện chịu đã được quyết toán xong nên không đề cập.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 157, 165, 166, 217, 218, 219, 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Trúc E. Anh Lưu Trúc E được ly hôn với chị Phan Thị Đ

Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về con chung: Lưu Thị Yến M, sinh ngày 17/01/1999 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Đình chỉ đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu về tài sản, nợ chung.

2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của chị Phan Thị Đ về việc yêu cầu anh Lưu Trúc E chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 15.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Phan Thị T về việc yêu cầu anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả trả 36 chỉ vàng 24K loại 9999.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Phan Thị N về việc yêu cầu anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 10.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thanh Phú yêu cầu anh Lưu Trúc E và chị Phan Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 24/03/2022 là 338.743.714 đồng (Ba trăm ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm mười bốn đồng) và lãi phát sinh từ ngày 20/03/2022 theo hợp đồng tín dụng

số TPH20180419/HĐTD (710SLAV201805911) ngày 20 tháng 09 năm 2018 cho đến khi nào Tòa án giải quyết xong vụ án.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thanh Phú, chị Phan Thị Đ, chị Nguyễn Thị T1, chị Phan Thị T và chị Phan Thị N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về chi phí tố tụng: Đã được quyết toán xong nên không đề cập.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lưu Trức E phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002943 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 12.275.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) cho chị Phan Thị Đ theo biên lai số 0001960 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) cho chị Nguyễn Thị T1 (do chị Phan Thị T nộp thay) theo biên lai số 0004515 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 4.950.000 đồng (Bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) cho chị Phan Thị T theo biên lai số 0004513 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho chị Nguyễn Thị Nhanh (do chị Phan Thị T nộp thay) theo biên lai số 0004514 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 8.468.592 đồng (Tám triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm chín mươi hai đồng) cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre (do Nguyễn Phạm Đông Hồ nộp thay) theo biên lai số 0004501 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Viện KSND huyện Thanh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- UBND xã Thanh Phong, Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương